

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 30 tháng 12, 2025

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TPC	29/12/2025	13.4	570.000	78.577	7.25
2	OIL	29/12/2025	11	4.815.600	817.877	5.89
3	PVC	29/12/2025	11.7	3.562.100	668.950	5.32
4	PVB	29/12/2025	34.7	822.800	173.963	4.73
5	GAS	29/12/2025	75.1	5.613.700	1.212.863	4.63
6	MIG	29/12/2025	18.5	546.200	153.037	3.57
7	PLX	29/12/2025	36.5	5.305.400	1.749.933	03.03
8	BVH	29/12/2025	59.8	1.306.800	484.980	2.69
9	STB	29/12/2025	59.9	22.403.400	8.383.974	2.67
10	SGR	29/12/2025	18.7	523.300	202.227	2.59
11	PVS	29/12/2025	35.1	11.628.200	4.498.750	2.58
12	BSR	29/12/2025	16.7	17.508.200	6.848.730	2.56
13	NTL	29/12/2025	18.45	1.798.900	802.403	2.24
14	AGG	29/12/2025	14.85	732.000	332.477	2.2
15	DDB	29/12/2025	10.3	520.000	237.100	2.19
16	POW	29/12/2025	13	14.981.100	7.825.440	1.91
17	VAB	29/12/2025	10.5	636.900	339.307	1.88
18	PC1	29/12/2025	22.6	5.089.400	2.857.237	1.78
19	NT2	29/12/2025	24.45	1.307.600	741.160	1.76
20	ACV	29/12/2025	49	1.731.600	1.032.107	1.68
21	GEE	29/12/2025	230.8	1.422.400	855.130	1.66
22	AAS	29/12/2025	10.2	2.686.800	1.736.483	1.55
23	ELC	29/12/2025	24.25	1.192.100	799.493	1.49
24	NVL	29/12/2025	14.15	15.253.500	10.239.047	1.49
25	MCH	29/12/2025	220.1	643.900	441.923	1.46
26	PVD	29/12/2025	28.5	10738900	7551847	1.42
27	DRI	29/12/2025	12.9	659400	481323	1.37
28	GMD	29/12/2025	61.3	1398500	1044580	1.34
29	DGC	29/12/2025	61	6330400	4876320	1.3



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200	MACD Hist W	MACD Hist M
1	AAS	29/12/2025	10.2	3.407.890	64.4	10.08	1.16	-0.16	0.15
2	ACB	29/12/2025	24	6.951.100	45.19	23.47	2.28	-0.34	0.08
3	BID	29/12/2025	38.8	2.408.430	59.71	37.78	2.69	-0.06	-0.34
4	C4G	29/12/2025	8.7	1.596.420	51.89	8.46	2.83	-0.03	0.12
5	CTS	29/12/2025	33.5	736.690	42.38	33.01	1.48	-1.06	0.36
6	DPM	29/12/2025	22.7	2.048.760	49.25	22.38	1.45	-0.41	0.28
7	GEX	29/12/2025	44	9.662.560	50.56	41.84	5.17	-1.76	1.95
8	HNG	29/12/2025	6.2	2.483.410	63.8	6.16	0.57	0.02	0.04
9	HPG	29/12/2025	26.7	34.215.128	49.93	25.13	6.23	-0.29	0.36
10	LCG	29/12/2025	10.25	2.182.990	45.22	10.03	2.24	-0.13	0.09
11	MSN	29/12/2025	75.5	3.916.610	44.22	73.76	2.36	-1.1	1.52
12	NKG	29/12/2025	15.2	3.116.780	43.24	15.19	0.07	-0.32	0.08
13	OCB	29/12/2025	11.95	1.496.280	42.24	11.51	3.81	-0.19	0.2
14	PLX	29/12/2025	36.5	2.205.180	65.22	35.53	2.74	0.28	-0.3
15	PVT	29/12/2025	18.95	2.393.790	57.94	17.81	6.43	0.1	-0.26
16	SAB	29/12/2025	48.8	1.270.460	47.48	46.86	4.13	0.4	0.67
17	SHI	29/12/2025	14.6	518.610	42.16	14.4	1.4	0.06	-0.03
18	TCB	29/12/2025	34.05	10.866.510	49.65	33.15	2.73	-0.66	0.56
19	TIG	29/12/2025	8.3	708.160	57.22	8.28	0.27	0.06	-0.39
20	VC3	29/12/2025	27.3	956.970	49.8	26.79	1.89	-0.19	0.06
21	VIX	29/12/2025	22.8	35.686.700	42.34	22.58	0.99	-1.65	1.18
22	VND	29/12/2025	19.8	18.996.710	54.38	18.98	4.32	-0.41	0.48
23	VPI	29/12/2025	58	1.819.380	49.03	54.97	5.51	0.3	-0.46



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	GAS	75.1	75.4	1.873.270
2	GEE	230.8	233.9	1002600
3	NAF	37.2	37.3	658.920
4	PVD	28.5	28.7	9.112.220

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BVH	59.8	56	568.280
2	PLX	36.5	36.05	2.205.180
3	PNJ	96	95.9	582050
4	POM	5.5	4.8	2.167.010
5	POW	13	12.8	7.674.370
6	PVB	34.7	31.8	362.060
7	PVC	11.7	11.7	1.014.510
8	PVS	35.1	34.2	6.221.000

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CKG	10.15	10.15	36.580
2	ST8	4.65	4.6	106.240
3	VPH	4.51	4.5	56.630

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACV	49	48.8	1.017.820
2	ANV	26.45	25.8	838.760
3	BTH	24.7	24.05	13.710
4	C32	11.15	10.5	85.330
5	CIG	8.7	8.5	272.220
6	CKG	10.15	10.15	36.580
7	CTF	18.65	18.35	311.910
8	DIG	17.4	16.85	8.472.650
9	DVM	5.9	5.7	170.590
10	EVE	9.9	9.9	11.000
11	HHS	12.85	12.55	1.097.880
12	JVC	6.12	6.1	121.010
13	NHA	16.35	16.1	114.910
14	PRC	12.2	11.7	10.920
15	PTC	6.16	5.95	11.120
16	SCS	51.2	49.66	228.880
17	STK	15.45	15.15	13.220
18	SZC	28.7	28.3	279.490
19	VAB	10.5	10.4	345.810
20	VC7	9.5	9.4	260.440



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DGW	40.1	40.06	1.231.110
2	DPM	22.7	22.38	2.048.760
3	FIT	4.74	4.68	1593760
4	HDG	27.75	27.69	1.844.080
5	HPX	4.73	4.72	1.076.230
6	PVC	11.7	10.91	1.014.510

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	C4G	8.7	8.65	1.596.420
2	DPM	22.7	22.58	2.048.760
3	GEX	44	42.98	9662560
4	GMD	61.3	59.71	739.440
5	HSG	16.2	16.13	2.410.300
7	PC1	22.6	22.11	2697320
8	TNG	18.5	18.4	520780
9	VC3	27.3	27.22	956970
10	VRE	33.2	31.95	11252310

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	HII	6.4	6.2	540.070
2	MSR	24.8	24.19	1.320.960
3	NVL	14.15	14.09	7647460
4	QCG	14.4	14.26	2.057.140
5	TTF	3.13	3.13	2.849.460
6	VRE	33.2	33.1	11.252.310



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	CRE	8.55	8.91	751.760

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HAG	17.6	17.86	12.292.060
2	HCM	22.75	22.89	8.591.210
3	MST	6.3	6.57	3111860
4	VPI	58	58.64	1.819.380

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BGE	4.9	4.98	617.110
2	EVG	8.35	8.39	739.740
3	HPG	26.7	26.71	34215128
4	VCI	35.3	35.44	8.517.320



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	CHP	29/12/2025	29.45	29.2	30.04	2.9	23.100
2	ODE	29/12/2025	46.3	45.3	46.6	2.9	18.020
3	CLL	29/12/2025	30.04	30.25	31.2	3.1	5.720
4	SJD	29/12/2025	14.05	13.9	14.35	3.2	31.840
5	TCL	29/12/2025	34.25	33.3	34.85	4.7	22.280
6	DSN	29/12/2025	44.75	42.95	45.05	4.9	5.460
7	RAL	29/12/2025	92.8	90.5	95.4	5.4	9.140
8	DVP	29/12/2025	67.4	67.2	71.7	6.7	7.520
9	FOC	29/12/2025	63.5	63.2	67.5	6.8	6.960
10	CLX	29/12/2025	15.6	15.3	16.4	7.2	70.300
11	PPC	29/12/2025	9.9	9.6	10.3	7.3	175.400
12	QTP	29/12/2025	12.5	12.3	13.2	7.3	161.680
13	GDT	29/12/2025	20.85	20	21.45	7.3	17.780
14	HTG	29/12/2025	43.1	41.81	45.12	7.9	7.960
15	TLD	29/12/2025	8.25	7.9	8.54	8.1	409.300
16	TIP	29/12/2025	18.5	17.69	19.12	8.1	18.120
17	SCG	29/12/2025	65.3	62.1	67.2	8.2	21.780
18	GHC	29/12/2025	29	28.2	30.5	8.2	17.220
19	HMC	29/12/2025	11.7	11.25	12.2	8.4	9.500
20	PGC	29/12/2025	13.45	12.75	13.85	8.6	22.180
21	TCW	29/12/2025	31.07	30.4	33.1	8.9	8660
22	NAB	29/12/2025	14.25	13.95	15.2	9	1235420
23	OPC	29/12/2025	23	21.1	23	9	7380
24	PVP	29/12/2025	14	13.56	14.8	9.1	73000
25	PPH	29/12/2025	27.7	25.99	28.37	9.2	10620
26	SGN	29/12/2025	58.5	58.5	63.91	9.2	8620
27	MCP	29/12/2025	28.8	26.5	29	9.4	24360
28	SMB	29/12/2025	39.9	37.41	40.95	9.5	19480
29	TV1	29/12/2025	22.1	21.9	24	9.6	16220



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

- CANH MUA** Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CHỜ MUA** Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- TRUNG LẬP** Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.
- CANH BÁN** Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009